

Bản án số: 102/2017/HSST
Ngày 05 tháng 9 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Mạnh Tiến

2. Bà Hoàng Thị Hồng.

- **Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:** Bà Lê Thị Thảo - Cán bộ Toà án nhân dân Thành phố B

- **Đại diện VKSND thành phố B tham gia phiên toà:** Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 111/2017/HSST ngày 09 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hà Đình T**, sinh ngày 27 tháng 5 năm 1999; nơi cư trú: Số nhà A, đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hoá: 9/12; con ông Hà Đình M, sinh năm 1974 (đã chết); con bà Lý Thị G, sinh năm 1977; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Bản án số 194/2016/HSST ngày 24/11/2016 Toà án nhân dân thành phố B xử phạt 6 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 105 ngày 20/7/2017 của Trưởng Công an thành phố B đối với Hà Đình T về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” với mức phạt 375.000 đồng.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 06/01/2017, bị tạm giữ, tạm giam từ đó đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lý Văn S, sinh năm 1969; địa chỉ: Số nhà B, đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

2. Anh Thân Văn Q, sinh năm 1985; địa chỉ: Số nhà C, đường G, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

3. Anh Chu Quý D, sinh ngày 08/08/2000; địa chỉ: Số nhà X, đường Nguyễn Khắc N, tổ 5, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

Người giám hộ cho Chu Quý D: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1985; địa chỉ: Số nhà X, đường Nguyễn Khắc N, tổ 5, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

4. Bà Lý Thị Gấm, sinh năm 1977, địa chỉ: Số nhà A, đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

5. Bà Hà Thị N, sinh năm 1969, địa chỉ: Số nhà Z, đường A, phường T, thành phố B. (Vắng mặt)

NHẬN THẤY:

Bị cáo Hà Đình T bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Hồi 14 giờ 20 phút ngày 06/01/2017 tại khu vực trước cửa số nhà S, đường D, phường Q, thành phố B, Công an thành phố B phối hợp cùng Công an phường Mỹ Độ bắt quả tang Hà Đình T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ:

+ Thu tại nền đất cạnh chỗ T bị bắt giữ: 02 (hai) túi ni long màu trắng đều có một đầu có rãnh khoá nhựa và viên màu đỏ bên trong mỗi túi đều đựng chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy tổng hợp, niêm phong trong phong bì thư số 01.

+ Thu trong túi áo khoác bên trái của T đang mặc: 01 (một) vỏ bao thuốc lá Thăng Long bên trong có 02 (hai) túi ni long màu trắng đều có một đầu có rãnh khoá nhựa và viên màu đỏ, trong đó một túi đựng chất tinh thể màu trắng, túi còn lại đựng 1 viên nén hình trụ tròn màu hồng đỏ trên một mặt có chữ “WY” và 1 mảnh viên nén màu hồng đỏ, được niêm phong trong phong bì thư số 02.

+ 01 xe mô tô không lắp Biển kiểm soát, nhãn hiệu Wave RSX, số khung RLHJA 3114EY174821, số máy JA31E039606; 400.000 đồng và 01 chiếc áo khoác.

Tại Kết luận giám định số 39 ngày 08/01/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

+ Trong phong bì thư có ký hiệu số 01 đã được niêm phong gửi giám định: Chất tinh thể màu trắng đựng trong 02 túi ni long màu trắng, một đầu đều có rãnh khoá

nhựa và viên màu đỏ đều là chất ma túy Methamphetamine, có tổng trọng lượng (khối lượng) 2,948 gam (trong đó trọng lượng trong từng túi là 1,612 gam; 1,336 gam).

+ Trong phong bì thư có ký hiệu số 02 đã được niêm phong gửi giám định: Chất tinh thể màu trắng đựng trong 1 túi ni long màu trắng, một đầu có rãnh khoá nhựa và viên màu đỏ là chất ma túy Methamphetamine, có trọng lượng (khối lượng) 2,082 gam; 01 viên nén hình tròn màu hồng đỏ, trên một mặt của viên nén có chữ “WY” và 1 mảnh viên nén màu hồng đỏ đựng trong 1 túi ni long màu trắng, một đầu có rãnh khoá nhựa và viên màu đỏ đều là chất ma túy Methamphetamine, có tổng trọng lượng (khối lượng) 0,143 gam.

Quá trình điều tra, Hà Đình T khai nhận: Buổi trưa ngày 06/01/2017, T đang chơi ở nhà anh Thân Văn Q, sinh năm 1985 ở số nhà C, đường G, phường D, thành phố B thì nhận được điện thoại của một người bạn mới quen nhờ mua hộ 1.000.000 đồng ma túy để sử dụng. T đồng ý hỏi vay của anh Quang 1.200.000 đồng nói là đi có việc. Sau đó, T đến nhà bác ruột là chị Hà Thị N, sinh năm 1969 ở số nhà Z, đường A, phường T, thành phố B mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu WAVE RSX không gắn biển kiểm soát đi đến khu vực gần cổng Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang đón bạn là Chu Quý D, sinh ngày 08/8/2000 ở số nhà X, đường Nguyễn Khắc N, tổ 5, phường T, thành phố B đang chơi điện tử ở khu vực đó đi cùng. T chở D đến đầu ngõ 85, đường H, phường T, thành phố B thì đỗ xe lại và bảo D đợi, còn T thì đi bộ đến cổng nhà Lý Văn S, sinh năm 1969 ở số nhà B, đường H, phường T hỏi mua của S 1 túi ma túy đá với giá 1.200.000 đồng. Mua được ma túy, T quay lại chỗ D đợi và chở D đi về nhà mình. Về đến cửa nhà, T bảo D đứng đợi ở ngoài, T đi vào trong nhà chia túi ma túy trên ra làm 2 túi rồi quay ra đèo D đi đến điểm hẹn ở trước cửa số nhà S, đường D, phường Q để giao ma túy. Khi đi đến nơi T xuống xe mượn điện thoại của D gọi điện lại cho thanh niên đã hẹn ra lấy ma túy, khi T đang đứng ở cửa đợi thì bị tổ công tác Công an thành phố B phối hợp với Công an phường Mỹ Độ bắt quả tang, T đã vất 02 gói ma túy ra nền đất nhưng vẫn bị lực lượng Công an thu giữ như trên.

Về số ma túy thu trong túi áo khoác của T, trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa xét xử ngày 08/6/2017, T khai không biết là của ai. Tuy nhiên sau khi Tòa án nhân dân thành phố B trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố B để điều tra bổ sung thì Hà Đình T khai nhận đó là ma túy của mình. T khai sau khi đến cổng số nhà B, đường H, phường T, thành phố B, T đưa số tiền 1.400.000 đồng qua khe cổng thì có một người phụ nữ nhận tiền và đưa ma túy lại cho T. Sau đó, T mang

ma túy về nhà sử dụng hết khoảng $\frac{1}{2}$ viên ma túy ngựa và 1 phần ma túy đá. Số ma túy còn lại T chia ra làm 4 túi (gồm 2 túi ma túy đá cầm ở tay, 1 túi ma túy đá và 1 túi ma túy ngựa T đút vào bao thuốc lá Thăng Long cất vào trong túi áo khoác bên trái). Khi T đèo D ra điểm hẹn ở trước cửa số nhà S, đường D, phường Q để giao ma túy thì bị bắt quả tang như trên.

Ngày 08/01/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã sao chép dữ liệu ghi hình của camera trước cửa số nhà S, đường D, phường Q ghi lại diễn biến việc bắt giữ Hà Đình T ngày 06/01/2017.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy ngày 06/1/2017 của Hà Đình T, ngày 20/7/2017, Công an thành phố B đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T về hành vi này.

Tại phiên toà xét xử ngày 08/6/2017, Chu Quý D khai số ma túy thu trong túi áo khoác của T là của D. Sau khi Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung, D lại khai: do D và T chơi thân với nhau, để T được giảm nhẹ tội nên D nhận số ma túy trong túi áo khoác của T là của mình. Lời khai nhận này của Chu Quý D có dấu hiệu của việc khai báo gian dối. Tuy nhiên D là người chưa thành niên nên không xem xét xử lý D về việc khai báo gian dối.

Người phụ nữ ở trong số nhà B, đường H, phường T, thành phố B bán ma túy cho T, do T khai không quen biết và không nhìn thấy mặt nên không có căn cứ để điều tra xử lý.

Người thanh niên nhờ T mua ma túy do T không biết tên tuổi địa chỉ nên không có căn cứ điều tra xác minh.

Chiếc điện thoại di động Hà Đình T sử dụng liên lạc là của Chu Quý D cho mượn nhưng lắp thẻ sim điện thoại của T. Trước khi bị lực lượng Công an bắt quả tang, T đưa cho D cầm. T không nhớ số điện thoại của mình và của người nhờ T mua hộ ma túy. Chu Quý D khai đã bán điện thoại và thẻ sim này cho người không quen biết nên không thu được.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu WAVE RSX không biển kiểm soát, T khai mượn của bà Hà Thị N nhưng bà Ninh không thừa nhận việc này, kết quả điều tra xác định chủ sở hữu chiếc xe là anh Hoàng Văn G, sinh năm 1984 ở xóm Mới, xã Hoà T, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Anh G cho anh Lê Trọng Đ, sinh năm 1990 ở thôn H10, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn mượn và bị mất trộm tại thôn M, xã S, huyện Y tỉnh Bắc Giang vào ngày 02/01/2017. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã

có công văn chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y để điều tra xác minh xử lý theo quy định.

Vật chứng vụ án gồm: 02 phong bì đựng mẫu vật được hoàn lại sau giám định; 400.000 đồng là của T không liên quan đến hành vi phạm tội; 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long và 01 áo khoác được nhập kho vật chứng để xử lý.

Cáo trạng số 117/KSĐT ngày 09/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo Hà Đình T về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bị cáo Hà Đình T khai: Trưa ngày 06/01/2017, qua khe cổng số nhà B, đường H, phường T, thành phố B, T mua của một người phụ nữ 1.200.000 đồng ma túy đá và 200.000 đồng ma túy ngựa. Lúc T mua ma túy thì D đứng chờ ngoài đầu ngõ. Sau đó, T chở D về nhà mình. Tại đây, T sử dụng một ít ma túy đá và ½ viên ngựa. T chia số ma túy còn lại ra làm 4 túi: 2 túi ma túy đá T cầm ở tay; 1 túi ma túy đá và 1 túi đựng 1,5 viên ngựa T đút vào vỏ bao thuốc lá Thăng Long rồi cho vào túi áo khoác bên trái. T đèo D đến số nhà S, đường D, phường Q, thành phố B để đưa ma túy cho bạn thì bị bắt. Chu Quý D chỉ đi cùng bị cáo chứ không biết việc bị cáo mua ma túy, sử dụng ma túy và mang ma túy trong người. Tại phiên tòa trước, có thể do D lo bị cáo bị tội nặng nên nhận số ma túy trong túi áo của bị cáo là của D.

Bà Lý Thị Gấm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khai: Ngày 06/01/2017, bà có cho Hà Đình T số tiền 400.000 đồng để mua quần áo. Việc để con chưa thành niên phạm tội cũng có phần trách nhiệm của bà không giám sát, giáo dục con đến nơi, đến chốn. Bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng lượng khoan hồng. Bà không có yêu cầu hay đề nghị gì khác

Chu Quý D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai như sau: Ngày 06/01/2017, Hà Đình T có rủ D đi chơi. D chỉ đi cùng T chứ không biết T gặp ai, làm gì. D có cho T mượn điện thoại của mình để liên lạc, còn T liên lạc với ai thì D không biết. Tại phiên tòa ngày 8/6/2017, do muốn giảm nhẹ tội cho T, D đã khai số ma túy thu ở túi trái áo khoác T là của mình. Thực ra, D không biết số ma túy đó là của ai. Chiếc điện thoại cho T mượn ngày 06/01/2017 cùng với sim điện thoại của T, D đã bán cho người không quen biết..

Anh Lý Văn S, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai như sau: Anh ở địa chỉ số B, đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Ngày 06/01/2017 Sỹ đi Lạng Sơn từ sáng đến đêm khuya mới về, không gặp và bán ma túy cho ai, không quen biết ai là Hà Đình T.

Anh Thân Văn Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai như sau: Ngày 06/01/2017, Hà Đình T có vay của anh số tiền 1.200.000 đồng để đi có việc. Sau này, anh mới biết T bị bắt vì liên quan đến ma túy. Anh cho T số tiền 1.200.000 đồng, không yêu cầu T phải trả lại.

Bà Hà Thị N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai như sau: Bà không có chiếc xe mô tô nào nhãn hiệu Wave RSX màu đỏ, số khung 174821, số máy 0319606 và cũng không cho T mượn chiếc xe này bao giờ.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo T và đề nghị Hội đồng xét xử:

1, Tuyên bố bị cáo Hà Đình T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

2, Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33, khoản 2 Điều 51, khoản 5 Điều 60, Điều 69, Điều 74 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Hà Đình T từ 20 đến 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chuyển hình phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo của bản án số 194/2016/HSST ngày 24/11/2016 của Tòa án nhân dân thành phố B thành hình phạt 06 tháng tù giam. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung cho cả hai bản án là từ 26 đến 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/01/2017.

3. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy 02 phong bì đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định, 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long và 01 áo khoác đã qua sử dụng.

+ Trả lại bị cáo 400.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo qui định pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY:

Lời khai của bị cáo trước phiên toà hôm nay phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ, đã có đủ cơ sở kết luận: Hồi 14 giờ 20 phút ngày 06/01/2017 tại khu vực trước cửa số nhà S, đường D, phường Q, thành phố B, Hà Đình T có hành vi tàng trữ trái phép 5,173 gam ma túy Methamphetamine.

Hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" được quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo theo tội danh và Điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tình chất hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp nghiêm trọng, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự an xã hội. Ma túy là hiểm họa xã hội, làm sứt mòn đạo đức và là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác. Nhưng chỉ vì thỏa mãn nhu cầu của cá nhân và người bạn mới quen mà bị cáo đã cố ý phạm tội. Do vậy, cần xử nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự để đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Tại Bản án số 194/2016/HSST ngày 24/11/2016, Toà án nhân dân thành phố B đã xử phạt T 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục phạm tội. Do đó, cần phải có hình phạt tù giam, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội, biết tuân thủ pháp luật.

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Tại phiên toà, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải nên cần áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Theo qui định tại điểm b khoản 1 Điều 107 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi năm 2017: người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý được coi là không có án tích. Mặc dù Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi năm 2017 chưa có hiệu lực pháp luật nhưng căn cứ vào khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi năm 2017, căn cứ hướng dẫn tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc

hội khoá 14 thì các quy định có lợi cho người phạm tội được áp dụng. Do vậy, cần xác định bị cáo T không có tiền án. Bị cáo T không phải chịu tình tiết tăng nặng nào qui định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách nên cần áp dụng khoản 5 Điều 60 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự chuyển hình phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo của Bản án số 194/2016/HSST ngày 24/11/2016 của Toà án nhân dân thành phố B thành hình phạt tù giam. Tổng hợp với hình phạt của bản án này, buộc bị cáo phải chấp hành phạt chung của hai bản án.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với Lý Văn S, không đủ căn cứ xác định S là người bán ma túy cho T ngày 06/1/2017. Người phụ nữ ở trong số nhà B, đường H, phường T, thành phố B bán ma túy cho T, do T khai không quen biết và không nhìn thấy mặt nên không có căn cứ để điều tra xử lý.

Đối với người thanh niên nhờ T mua ma túy do T không biết tên tuổi địa chỉ nên không có căn cứ điều tra xác minh.

Đối với Chu Quý D: D là người đi cùng T nhưng không biết T mua ma túy từ khi nào nên không có căn cứ xử lý. Tại phiên toà xét xử ngày 08/6/2017, Chu Quý D khai số ma túy thu trong túi áo khoác của T là của D nhưng sau đó lại không thừa nhận, cho rằng khai như vậy nhằm mục đích giảm nhẹ tội cho T. Việc khai nhận của Chu Quý D có dấu hiệu của việc khai báo gian dối. Tuy nhiên D là người chưa thành niên nên không xem xét xử lý D về việc khai báo gian dối là phù hợp.

Đối với bà Lý Thị Gấm và anh Thân Văn Q: là những người cho bị cáo tiền và cho mượn tiền nhưng không biết bị cáo sử dụng tiền vào việc mua ma túy nên không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với bà Hà Thị N: Bị cáo T khai mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu WAVE RSX không biển kiểm soát của bà Hà Thị N nhưng bà Ninh không thừa nhận. Kết quả điều tra xác định chiếc xe trên là tang vật trong vụ trộm cắp tài sản tại thôn Minh Phượng, xã Nham Sơn, huyện Y, tỉnh Bắc Giang vào ngày 02/01/2017. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã có công văn chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y để điều tra xác minh xử lý theo quy định nên không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Về xử lý vật chứng của vụ án:

+ 02 phong bì thư đựng mẫu vật được niêm phong dán kín hoàn lại sau giám định.

+ 01 vỏ bao thuốc lá T Long và 01 áo khoác đã cũ, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

+ 400.000 đồng là tiền của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Cần tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Hà Đình T phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

2. Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33, khoản 2 Điều 51, khoản 5 Điều 60, Điều 69, Điều 74 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khoá 14:

Xử phạt bị cáo Hà Đình T 01 năm 08 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chuyển hình phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo của Bản án số 194/2016/HSST ngày 24/11/2016 Tòa án nhân dân thành phố B thành hình phạt 06 tháng tù giam. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung cho cả hai bản án là 02 năm 02 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/01/2017.

3. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy 02 phong bì thư đựng mẫu vật được niêm phong dán kín hoàn lại sau giám định.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long và 01 áo khoác đã cũ không còn giá trị sử dụng.

+ Trả lại bị cáo 400.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Hà Đình T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231; Điều 234 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- TAND tỉnh B;
- Chi cục THADS TP B;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương Giang